

ẢNH HƯỞNG CỦA HUYỀN THOẠI ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH THÀNH NGỮ TIẾNG VIỆT

LÊ VĂN HƯƠNG* - LÊ CÔNG SỰ ♦

Huyền thoại có gốc từ tiếng Hy Lạp: *mythologia*, gồm hai từ ghép, *mythos* - nghĩa là truyền thuyết, câu chuyện, *logos* - là lời nói, học thuyết. Huyền thoại xuất hiện ở cuối thời đại nguyên thủy, khi con người bước vào giai đoạn *Homo sapiens* (người thông tuệ), giai đoạn mà con người có thể giao tiếp với mọi thành viên trong bộ lạc của mình nhờ lời nói cấu âm và do đó được các nhà nhân chủng học gọi là *Homo loquens* (người biết nói). Khi có một công cụ truyền đạt tư tưởng cho người khác, người nguyên thủy bằng trí tưởng tượng sáng tác nên những câu chuyện có tính hoang đường phản ánh ước vọng sống của mình.

Với tư cách là một hình thái chưa phân hoá của ý thức cộng đồng, huyền thoại luôn bao hàm trong nó các yếu tố thẩm mỹ, đạo đức, tôn giáo và ngôn ngữ. Trong bài này chúng tôi không chủ trương giải thích đầy đủ mối quan hệ giữa huyền thoại và ngôn ngữ, mà chỉ đề cập đến nguồn gốc xuất xứ một số thành ngữ trong tiếng Việt qua việc

khảo sát hệ thống huyền thoại của người Việt cổ.

Thành ngữ¹ là một tổ hợp từ cố định, bền vững về hình thái cấu trúc, bóng bẩy về ngữ nghĩa, được sử dụng trong giao tiếp thường ngày, đặc biệt là trong ngôn ngữ nói, tức khẩu ngữ. Việc hình thành thành ngữ xuất phát từ nhu cầu giao tiếp xã hội thường ngày, con người cần phản ánh hiện thực khách quan một cách cô đọng, ngắn gọn nhưng mang tính khái quát cao, biểu đạt hình ảnh đẹp, hàm nghĩa rộng và mang tính ẩn dụ sâu xa. Thành ngữ được con người vận dụng trong hoạt động giao tiếp thường ngày với một ý đồ ngữ nghĩa mang tính tình thái.

Từ thực tế khách quan luôn phải đương đầu với thiên tai tàn phá, thú dữ hoành hành và giặc ngoại xâm dày xéo, với lực lượng sản xuất còn thấp kém, người Việt phải có một tinh thần đoàn

* Học viên cao học khoá 13, Ngôn ngữ Pháp

♦ TS. Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội

¹ Xem: Hoàng Văn Hành, *Kể chuyện thành ngữ tục ngữ*, Nxb. Khoa học xã hội. 2002, tr. 25

kết keo sơn, gắn bó cộng đồng và nhiều lúc thất thế, họ đành phải nương nhờ thần thánh - đó là lý do ra đời của *"Mẹ Âu Cơ và chuyện trăm trứng"*, *"Thánh Gióng"*, *"Sơn Tinh, Thủy Tinh"*, *"Sự tích Hồ Gươm"*, *"An Dương Vương xây thành Cổ Loa"*, *"Thần Sắt"*. Trong chế độ phong kiến, người dân luôn phải gánh chịu những bất công xã hội, những oan trái trong tình yêu, những hậu họa của cái ác - điều này được phản ánh trong *"Chử Đồng Tử"*, *"Tám Cám"*, *"Sự tích trầu cau"*, *"Vợ Chồng Ngâu"*, *"Rét Nàng Bân"*, *"Trương Chi"*, *"Hồn Trương Ba, da hàng thịt"*, v.v.

Trong các truyền thuyết đã liệt kê trên, chúng ta thấy thường xuất hiện các Thần nhân như Ông Bụt, Ông Tiên, Bà Tiên, Cô Tiên, các Thánh Thần... Họ đại diện cho lòng nhân từ, sự công bằng, sức mạnh đoàn kết, biểu trưng cho việc cái thiện chiến thắng cái ác, phản ánh lòng mong muốn về một thế giới tốt đẹp, về một cuộc sống thanh bình theo motif kết thúc có hậu. Trong kho tàng ngôn ngữ Việt Nam, chúng ta dễ dàng nhận ra nhiều thành ngữ và ca dao liên quan đến các nhân vật, các giai thoại trong các câu chuyện trên. Chẳng hạn: *"Con Rồng cháu Tiên"*, *"Hiền như Bụt"*, *"Đẹp như Tiên"*, *"Vải thưa che mắt Thánh"*...

*Con Rồng cháu Tiên, Đồng bào*², là những thành ngữ có nguồn gốc từ các truyện *"Kinh Dương Vương và Lạc Long Quân"*, *"Mẹ Âu Cơ và chuyện trăm trứng"*³. Tương truyền rằng Kinh Dương Vương là một thủ lĩnh hùng mạnh đã có công khai sơn phá thạch lập nên vùng đất Lĩnh Nam, thấy Long Nữ, con gái của Long Vương xinh đẹp, liền hỏi làm vợ. Ít lâu sau, Long Nữ sinh một người con trai khôi ngô tuấn tú, đặt tên là Lạc Long Quân. Lúc đó trên đất Lĩnh Nam đầy loài ma quái quấy nhiễu cuộc sống dân chúng. Sau khi trừ hết ma quái, Lạc Long Quân kết duyên cùng Nàng Âu Cơ, dòng dõi loài Tiên. Chín tháng mười ngày sau, Âu Cơ sinh ra một cái bọc lớn chứa trăm quả trứng. Trăm trứng nở trăm người con trai khôi ngô, tuấn tú. Lớn lên, họ đi mở mang đất nước trăm miền, lập nên trăm dòng họ gọi là bách Việt. Từ đó về sau, con cháu bách Việt gặp nhau đều gọi bằng hai tiếng thiêng liêng: *đồng bào*.

Hiền như Bụt là thành ngữ dùng để chỉ những người hiền lành, tốt bụng, giàu lòng nhân ái, luôn giang tay sẵn lòng giúp đỡ người khác. Trong dân gian, thành ngữ này được coi như trái nghĩa với *"Khẩu Phật, tâm xà"*, chỉ

² Xem: *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*, Nxb. Văn hoá Hà Nội 1995, tr. 221

³ Xem: *Truyện cổ tích Việt Nam*, Nxb. Phụ Nữ 2000, tr. 7 và tr. 16

những ai ngoài miệng thì nói những lời hay, lẽ phải, nhưng tâm địa độc ác, lắm mưu ma chước quỷ hại người.

Đẹp như Tiên là một lời khen ngợi những cô gái có dáng người cân đối, hài hoà, với nét mặt thánh thiện, hiền lành, đồng thời có lòng nhân từ, bao dung, nhân ái, hay quan tâm và giúp đỡ mọi người, đặc biệt là trong cơn hoạn nạn.

*Vải thưa che mắt Thánh*⁴ là câu thành ngữ dùng để chỉ những người tuy ác độc, vụng về, kém cỏi, nhưng ngộ nhận rằng mình thánh thiện, tài giỏi, có thể che giấu những suy nghĩ, những hành vi đó của mình. Hoá ra, trong thiên hạ còn có những kẻ hơn mình nhiều, họ phát hiện ra tất cả, dù có che đậy khéo đến bao nhiêu. Thành ngữ này có hàm nghĩa như vậy là do trong tâm thức người Việt luôn coi Thánh thần là những bậc cao siêu, có tài biến hoá khôn lường, có cái nhìn thấu suốt mọi tâm can và hành động con người. Về phương diện hàm ý, câu này có thể gần nghĩa với câu "*Trời có mắt*", để chỉ không có gì ở dưới Thiên hạ mà Trời không biết, rằng ai làm những việc tốt, hay những việc bất lương thì cuối cùng cũng được thưởng, phạt theo luật "*ở hiền, gặp lành, ác giả ác báo*".

*Thiên lôi chỉ đầu đánh đấy*⁵ là thành ngữ bắt đầu từ một truyền thuyết cho rằng, Thiên lôi là một vị thần oai phong lẫm liệt, dung mạo dữ tợn, khó coi. Hai tay thần lúc nào cũng lăm lăm hai lưỡi tầm sét sẵn sàng chờ lệnh Ngọc Hoàng để tung ra sấm sét trừng phạt những kẻ bất lương dưới trần gian. Vị thần này có sức mạnh vô địch và chỉ biết phục tùng lệnh Ngọc Hoàng mà không cần cân nhắc phải trái. Thành ngữ này ý dùng để chỉ những người chỉ biết tuân lệnh người khác (nhất là người trên mình) một cách máy móc, rập khuôn, giáo điều, mà không cần chính kiến của riêng mình. Việc làm này tuy đạt hiệu quả trong một số công việc, đặc biệt là lúc cấp bách, nhưng nó cũng mang đến những tai hại lớn, nếu sự chỉ bảo của kẻ trên sai lầm.

Á Chước chàng Ngưu, Ngưu lang Chước nữ hay *Vợ chồng Ngâu* ⁶, là những thành ngữ có chung nguồn gốc từ một truyền thuyết cho rằng Chước nữ vốn là cháu Ngọc Hoàng, làm nghề dệt vải, siêng năng chăm chỉ. Ngọc Hoàng gả nàng cho Ngưu Lang, một chàng trai làm nghề chăn trâu, chàng cũng rất hay lam hay làm. Gái siêng năng kết duyên cùng trai chăm chỉ, tưởng là đẹp đôi; ai ngờ sau lễ cưới, đôi vợ chồng trẻ luôn quẩn quýt bên nhau, bỏ bê công việc,

⁴ Xem: Hoàng Văn Hành, Sdd, tr. 512

⁵ Xem: Hoàng Văn Hành, Sdd, tr. 477

⁶ Xem: Hoàng Văn Hành, Sdd, tr. 354 và 367

mặc cho ngày tháng trôi qua. Nhìn thấy khung cửa nhện chằng, đàn trâu gầy đói, Ngọc Hoàng nổi giận, bắt hai người phải sống cách xa nhau. Chức Nữ ở phía Đông, còn Ngưu Lang ở phía Tây sông Ngâu. Mỗi năm hai người chỉ được phép qua sông trên chiếc cầu Ô thước do bầy quạ nối nhịp và gặp nhau một lần vào đúng *ngày mồng bảy tháng bảy* (âm lịch). Khi gặp nhau, họ mừng mừng tủi tủi, khóc lóc vì cảnh biệt li sầu thảm, nước mắt của họ rơi xuống trần gian thành mưa dầm sùi sụt, người đời tục gọi là *mưa ngâu tháng bảy*. Từ đó người ta gọi tháng bảy là tháng mưa ngâu và tránh cưới hỏi vào tháng này*.

*Rét Nàng Bân*⁷ là thành ngữ dùng để chỉ đợt rét vào thượng tuần tháng ba âm lịch, hiện tượng thời tiết này bắt đầu bằng một câu chuyện tình dân gian: Nàng Bân rất mực thương chồng, nàng ngồi đan áo cho người bạn đời, nhưng đan chậm quá, mãi đến tháng ba mới xong, lúc đó theo luật tự nhiên, trời đã nắng ấm. Nàng Bân buồn lắm vì bao nhiêu yêu thương nàng gửi vào chiếc áo mà đến nay chồng nàng không được mặc. Cảm thông trước tấm lòng chân thành của người phụ nữ đối với chồng, Trời thương tình ban một đợt rét nhẹ vào đầu tháng ba âm lịch, để người đàn

ông được mặc chiếc áo do chính vợ mình đan tặng. Nhưng cũng vào dịp này có năm rét hại, dân gian gọi là "*rét tháng ba bà già chết cồng*" - đó là những năm trời cảm động trước tấm lòng của Nàng Bân nhiều hơn.

*Hồn Trương Ba, da hàng thịt*⁸ là thành ngữ dùng để chỉ sự không ăn khớp giữa nội dung và hình thức, sự lắp ghép một cách tùy tiện giữa nội dung, bản chất sự vật này với hình thức sự vật khác. Thành ngữ này ra đời từ một câu truyện dân gian: Trương Ba là người đánh cờ rất giỏi, được thần cờ Đế Thích cho một nắm hương và dặn khi nào có việc gì cần giúp thì thắp lên. Trương Ba chết đột ngột, khi chôn cất chồng xong, vợ người xấu số thấy nắm hương giắt ở mái nhà liền thắp mấy nén thờ chồng. Đế Thích xuống trần gian, biết là Trương Ba đã chết gần một tháng, không còn cách nào khác đành nhập hồn Trương Ba vào xác anh hàng thịt mới chết. Xác anh hàng thịt bỗng ngồi nhồm dậy, đi một mạch về nhà vợ Trương Ba. Vợ con hai nhà tranh nhau người mới sống lại. Việc đến tai nhà chức trách. Quan toà phân xử bằng mẹo, ông sai lính đem một con lợn vào cho người mới sống lại làm thịt, người ấy loay hoay mãi không biết làm, nhưng khi chơi cờ thì anh ta rất giỏi.

* Về vấn đề này còn có một tích khác, xem *Từ điển thành ngữ và tục ngữ*, Sdd, tr. 11

⁷ Xem: Hoàng Văn Hành, Sdd, tr. 398

⁸ Xem: *Từ điển thành ngữ và tục ngữ*, Sdd, tr. 454

Căn cứ vào sự việc đó, quan toà cho anh về nhà Trương Ba.

*Ngày xưa có anh Trương Chi,
Người thì thậm xấu hát thì thậm hay.*

Câu ca đó chắc ai cũng thuộc, song nguồn gốc của nó thì không hẳn người nào cũng biết. Trương Chi⁹ là một chàng trai làm nghề chài lưới, quanh năm sống trên sông nước, dãi nắng, dầm mưa nên nước da đen đui xấu xí. Bù lại, chàng có tiếng hát du dương trầm bổng, làm xao động lòng người. Một lần, chàng cầm sào buông lưới và cất tiếng hát ở một khúc sông gần lâu đài quan thứ sử, trong lâu đài đó có nàng My Nương. Là con của một vị quan lớn, My Nương sống trong cảnh nhung lụa và mơ mộng. Nàng say mê tiếng hát của Trương Chi. Từ say mê tiếng hát, nàng vén rèm nhìn ra khúc sông thấy chàng ngư phủ khoẻ mạnh vừa tung lưới vừa cất tiếng ca vang. Cứ như vậy cho suốt một tuần trăng, nàng say mê tiếng hát và đem lòng yêu cả chàng trai.

Còn bản thân Trương Chi, chàng chẳng hay biết gì về việc ấy, sông dài nước lạ luôn vậy gọi. Đến tuần trăng khác, My Nương không còn nghe tiếng hát quen thuộc, nàng nhìn qua cửa sổ cũng chẳng thấy bóng người đánh cá. Thế là từ đó, nàng mắc bệnh tương tư, mất ăn, mất ngủ. Căn bệnh ngày một

trầm trọng, đến lúc nguy cấp, quan thứ sử đành phải nghe theo lời các lương y, phái người đi tìm cho được Trương Chi. Khi nhìn tận mặt chàng ngư phủ đen đui xấu xí, My Nương hoàn toàn thất vọng, nàng sai gia nhân đuổi ngay đi.

Nhưng oái oăm thay, khi biết có nàng My Nương xinh đẹp say mê tiếng hát của mình thì chính Trương Chi lại ôm ấp một mối tình vô vọng. Chàng trách thân tội phận, không còn thiết sống. Một hôm, chàng cầm sào giữa dòng sông, cất lời ai oán:

*Kiếp này trót dở dang nhau,
Thì xin kiếp khác duyên sau lại thành.*

Dứt lời, chàng gieo mình xuống sông tìm cái chết. Trương Chi chết đi, oan hồn nhập vào cây bạch đàn quanh năm than thở cùng trăng gió. Cây bạch đàn dần héo tàn rồi trốc gốc, trôi về bến nước lâu đài. Quan thứ sử thấy cây gỗ cứ vật vờ trôi quanh bến nước, sai quân lính vớt lên, biết là gỗ quý, liền nhờ thợ giỏi tiện thành bộ chén uống trà.

Một hôm, My Nương rót trà sen, nhìn vào đáy chén, nàng bỗng giật mình nhận thấy hình ảnh của chàng ngư phủ đang cất tiếng hát: "*Kiếp này trót dở dang nhau...*". Cảm động xót xa, nàng nghĩ tới mối tình đơn phương oan trái và chàng trai xấu số, giọt nước mắt rưng rưng tràn trên bờ mi của người thiếu nữ vô tình rơi xuống đáy chén, lập tức hình ảnh cùng tiếng hát Trương Chi biến mất và cái chén quý

⁹ Xem: *Truyện cổ tích Việt Nam*, Sdd, tr. 108

bằng gỗ bạch đàn cũng tan thành nước như mối tình của đôi trai tài, gái sắc.

Những ví dụ mà chúng tôi nêu ra ở trên tuy chỉ ít ỏi so với thực tế, nhưng chúng cũng đủ để chứng minh về sự ảnh hưởng của huyền thoại đến việc hình thành thành ngữ và ca dao trong tiếng Việt. Trong hệ thống ngôn ngữ tiếng Việt có rất nhiều thành ngữ xuất phát từ huyền thoại và ngược lại, chính những thành ngữ này lại giúp người sử dụng nhớ về nguồn gốc của chúng. Điều này có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng trong việc giảng dạy ngoại ngữ nói chung, và tiếng Việt nói riêng. Bởi vì, xét về phương diện tâm lý thì tâm hồn người mới học một thứ ngôn

ngữ nào đó cũng giống như tâm hồn đứa trẻ, họ rất thích đọc huyền thoại của dân tộc có thứ tiếng mình đang học, vì đây là những truyện có nội dung hấp dẫn, liên quan đến cuộc sống thường ngày, còn hình thức ngôn ngữ thì dễ hiểu, dễ nhớ, phong cách diễn đạt đơn giản. Thực tế này có thể gợi ý cho những người biên soạn giáo trình, những giáo viên trực tiếp giảng dạy ngoại ngữ và tiếng Việt như một ngoại ngữ nên chú ý đến mối quan hệ nhân quả giữa huyền thoại và thành ngữ, lồng ghép việc giải thích thành ngữ với kể chuyện huyền thoại. Thiết nghĩ, nếu làm được như vậy, buổi học sẽ thú vị và hiệu quả hơn nhiều. □



Hội thảo khoa học giáo viên khoa tiếng Trung Quốc, 26-11-2005